

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TÀI SẢN VIỆT LEADER**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TÀI SẢN VIỆT LEADER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET LEADER ASSET INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET LEADER

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110883622

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 8, Số 156 phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973112589

Fax:

Email: [info.tsvleader@gmail.com](mailto:info.tsvleader@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản (Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật) | 6820        |
| 3.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                 | 6619        |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                         | 4101        |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                   | 4102        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                             | 4211        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                              | 4212        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                       | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                        | 4223        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn                                                                              | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                  | 4291        |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                           | 4292        |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                     | 4293        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                              | 4299 |
| 15. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330 |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà,... | 4390 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                            | 7020 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690 |

**6. Vốn điều lệ:** 950.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên                                         | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐẠI TÍN   |           | Tầng 2, Số 3, ngõ 188, phố Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | 470.250.000.000       | 49,500    | 0110290862                                                                                              |         |
| 2   | CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ ĐẠT THÀNH |           | Phòng 201, Tầng 2 số 76 ngõ 133 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 472.150.000.000       | 49,700    | 0110290848                                                                                              |         |

|   |                        |             |                                                                                                                                                                                                   |               |       |              |  |
|---|------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|--------------|--|
| 3 | TRẦN<br>QUYẾT<br>THẮNG | Việt<br>Nam | Căn hộ chung cư số<br>1006, Tòa nhà N07-<br>B3, Khu nhà ở để bán<br>cho chiến sỹ Bộ Công<br>an, Khu đô thị mới<br>Dịch Vọng, Phường<br>Dịch Vọng, Quận Cầu<br>Giấy, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 7.600.000.000 | 0,800 | 010089000719 |  |
|---|------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUYẾT THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010089000719

Ngày cấp: 14/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ chung cư số 1006, Tòa nhà N07-B3, Khu nhà ở để bán cho chiến sỹ Bộ Công an, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ chung cư số 1006, Tòa nhà N07-B3, Khu nhà ở để bán cho chiến sỹ Bộ Công an, Khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội